

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-ST
Ngày 14/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 05/4/1994 tại Q, Thái Bình

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố: Không xác định được, mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Quỳnh Phụ.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 07/7/1994 tại Q, Thái Bình

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy Th, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 24/6/2020 đến ngày 27/6/2020 chuyển

tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Quỳnh Phụ.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn B, sinh ngày 22/8/1996 tại Q, Thái Bình

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1974 và bà: Phạm Thị H, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 24/6/2020 đến ngày 27/6/2020 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Quỳnh Phụ.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình *(Có mặt tại phiên tòa).*

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Ông Nguyễn Duy Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh Đ vắng mặt; ông Th có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B là bạn bè (Kh và B là anh em họ với nhau), cả ba không có việc làm, thu nhập không ổn định. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 02/12/2018, Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, màu sơn xanh, biển kiểm soát 17AA-50x.xx của gia đình Kh, chở Kh, B đến chơi game tại quán Internet của anh Trần Văn Ph, sinh năm 1990, tại thôn A, xã Q, huyện Q. Quán của anh Ph có 02 gian liền kề thông cửa với nhau (01 gian mở quán Internet, 01 gian mở quán bán trà sữa, phía trước cả hai gian đều được lắp cửa cuốn). Đến nơi, thấy cửa cả hai gian đều đóng, Kh dùng hai tay nâng cửa gian bên trái theo hướng nhìn vào, thấy không phải quán Internet nên nói với Tr và B “Không phải quán này, quán Internet ở bên cạnh” rồi kéo cửa xuống và gọi thì anh Ph ra mở cửa. Tr dắt xe mô tô, cùng Kh, B vào trong quán, ngồi chơi game. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03/12/2018, anh Ph bảo cả ba nghỉ để anh đóng cửa quán nên cả ba trả tiền chơi game rồi Tr điều khiển xe chở Kh và B đi về. Anh Ph khóa cửa quán rồi về nhà ở thôn Đ, xã Q để ngủ. Trên đường về, khi đi đến cầu X, xã Q, Kh nói với Tr và B: “Hình như anh Ph vẫn chưa khóa cửa quán trà sữa”. Tr nói: “Anh em mình quay lại xem có gì trộm cắp được bán lấy tiền tiêu”. Kh và B đều đồng ý nên Tr cho xe quay lại quán trà sữa. Đến nơi, Tr để xe quay đầu về hướng cầu X nhưng không tắt máy rồi bảo B đứng ngoài cảnh giới. Tiếp đó, Kh cúi xuống dùng hai tay bám vào mép dưới của cửa rồi từ từ

nâng cửa qua đầu và đứng giữ để Tr đi vào bên trong. Quan sát thấy trên bàn nhựa màu trắng có để 01 chiếc tivi nhãn hiệu Samsung màn hình phẳng 55 inch, màu đen không cắm dây nguồn và dây ăng ten, Tr liền bê chiếc tivi ra ngoài đặt lên yên xe để B giữ, còn Kh kéo cửa xuống. Sau đó, Tr điều khiển xe chở B ngồi sau giữ tivi, Kh ngồi sau cùng để đi về nhà Tr. Khi đi đến khu vực gần cầu X, Tr bảo Kh xuống xe đứng đợi, còn Tr chở B cùng chiếc tivi về nhà Tr, lúc này khoảng 01 giờ sáng cùng ngày. Về đến nhà Tr, cả hai khiêng chiếc tivi vào phòng ngủ của Tr cất giấu rồi Tr tiếp tục điều khiển xe chở B đến khu vực cầu X đón Kh để về nhà Kh ngủ. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, sau khi thống nhất, Tr điều khiển xe chở Kh lên thị trấn Q thuê xe taxi để chở chiếc tivi đi tiêu thụ. Khi đi đến Ngã Tư B, Tr vẫy một chiếc taxi 04 chỗ rồi Tr và B lên taxi, còn Kh điều khiển xe mô tô về để ở nhà. Sau đó, cả ba lên xe taxi về nhà Tr. Đến nơi, Kh vẫn ngồi trên xe, còn Tr và B đi vào khiêng chiếc tivi để lên xe. Sau đó, Tr bảo người lái xe chở cả ba cùng chiếc tivi lên khu vực thị trấn Q rồi lên khu vực ngã tư V, xã A để bán chiếc tivi. Trên đường đi, Kh gọi điện thoại cho người quen là anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã Q để hỏi bán chiếc tivi thì được biết Anh Đ cũng đang có nhu cầu mua tivi để sử dụng. Sau khi nghe Kh tả đặc điểm chiếc tivi, Anh Đ trả giá là 5.000.000 đồng thì cả ba đều đồng ý bán. Khi đến nhà Anh Đ, Tr và Kh bê chiếc tivi vào, còn B ngồi trong xe đợi. Trong lúc Anh Đ kiểm tra tivi thì người lái xe yêu cầu B trả 250.000 đồng tiền thuê taxi. B đi vào bảo Tr trả tiền taxi thì Tr ứng trước của Anh Đ 250.000 đồng đưa cho B trả tiền để taxi đi. Trong khi chờ Anh Đ kiểm tra tivi, B đi vào nhà nằm xuống chiếc ghế dài và ngủ. Sau khi kiểm tra thấy chiếc tivi hoạt động bình thường, Anh Đ trả nốt tiền mua tivi cho Tr là 4.750.000 đồng. Tr cầm tiền rồi cùng Kh, B đi bộ về nhà. Số tiền này Tr và Kh đã chi tiêu cá nhân hết.

Do bận đi làm ăn xa nên đến ngày 05/4/2020, anh Ph mới có đơn trình báo Công an huyện Quỳnh Phụ đề nghị giải quyết.

Căn cứ tài liệu xác minh, ngày 09/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập Nguyễn Văn Tr đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Ngày 14/4/2020, anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc tivi nêu trên.

Quá trình giải quyết tin báo, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn B lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, B đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên, sau đó bỏ đi khỏi địa phương. Đối với Nguyễn Duy Kh, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ đi khỏi địa phương. Đến ngày 24/6/2020, Công an phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã bắt được Kh, B theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ.

Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại B bản kết luận định giá tài sản ngày 14/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ kết luận: *Chiếc tivi nhãn hiệu Samsung, loại 55 inch có trị giá là 11.700.00 đồng (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).*

Cáo trạng số 79/CT-VKSQP ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trong bản Cáo trạng. Bị hại (anh Trần Văn Ph), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Duy Th) giữ nguyên lời khai như đã khai tại giai đoạn điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Duy Kh mỗi bị cáo mức án từ 10 tháng đến 01 năm tù;

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

+ Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Tr, Kh, B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (bút lục số từ 204-289); phù hợp với đơn trình báo và B

bản ghi lời khai của bị hại là anh Trần Văn Ph (bút lục số: 290-293); B bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Duy Th (bút lục từ 301-304). Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: B bản tạm giữ đồ vật, tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 07 giờ ngày 14/4/2020 tại nhà anh Nguyễn Văn Đ (bút lục số: 99); Sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập và sơ đồ do các bị cáo tự vẽ (bút lục số: 123-128); B bản kết luận định giá tài sản ngày 14/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ (bút lục số: 103) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 03/12/2018, tại quán trà sữa của anh Trần Văn Ph, sinh năm 1990, tại thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B đã có hành vi trộm cắp chiếc ti vi nhãn hiệu Samsung màu đen, màn hình phẳng, 55 inch trị giá 11.700.000 đồng của gia đình anh Ph, mang bán cho anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Q được 5.000.000 đồng. Số tiền này 03 bị cáo dùng để trả tiền thuê taxi hết 250.000 đồng, còn lại 4.750.000 đồng Tr và Kh chi tiêu hết.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, chiếm đoạt tài sản của bị hại vào rạng sáng ngày 03/12/2018 mà các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B cùng nhau thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng

nhân dân trên địa bàn nơi xảy ra vụ án. Do đó cần thiết phải lên cho các bị cáo mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phạm tội mang tính chất nhất thời. Trong đó xác định: Nguyễn Văn Tr là người khởi xướng việc phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, giao dịch tiêu thụ tài sản và cùng Kh chi tiêu hết số tiền thu lợi bất chính nên Tr giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Duy Kh là người mang theo phương tiện để thực hiện tội phạm, giúp sức tích cực để Tr chiếm đoạt tài sản, tìm nơi tiêu thụ, cùng Tr hưởng lợi hầu hết số tiền do phạm tội mà có nên xếp vai trò thứ hai. Bị cáo Nguyễn Văn B tiếp nhận ý chí phạm tội, giúp canh coi, cảnh giới để Tr, Kh thực hiện tội phạm, cùng tham gia vào việc cất giấu, tiêu thụ tài sản trộm cắp, hưởng lợi ít hơn hai bị cáo Tr, Kh nên giữ vai trò thấp hơn.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ: Cả ba bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Duy Kh đã tác động gia đình khắc phục hậu quả nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra, hai bị cáo Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, bị cáo Kh còn có bố đẻ là người có công với cách mạng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại là anh Trần Văn Ph đã nhận lại tài sản; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ đã được gia đình hai bị cáo Tr và Kh trả lại toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng mà Anh Đ đã bỏ ra mua chiếc tivi. Anh Ph, Anh Đ tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản chi phí phát sinh nào khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo Tr, bị cáo Kh tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo B phải hoàn lại phần tiền 83.000 đồng trong số tiền 250.000đ mà ba bị cáo đã cùng ứng trước của Anh Đ để chi trả tiền taxi khi mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ nên cũng cần ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, biển kiểm soát 17AA-50x.xx là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Duy Th (bố đẻ bị cáo Kh). Ông Th không biết việc các bị cáo sử dụng chiếc xe trên đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại ông Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7.2] Đối với chiếc điện thoại di động và sim bị cáo Kh dùng để liên lạc với Anh Đ nhằm giao dịch bán tài sản trộm cắp, bị cáo khai đã làm thất lạc nên không quản lý được.

[8] Đối với người đàn ông lái xe taxi, các bị cáo đều không biết là ai, ở đâu, không nhớ biển kiểm soát xe và hãng taxi nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn Đ là người đã mua chiếc tivi các bị cáo mang đến bán nhưng anh không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Anh Đ là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh và Nguyễn Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (04/6/2020).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Kh 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ (24/6/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ (24/6/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại là anh Trần Văn Ph, sinh năm 1990, địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí phát sinh nào.

Ghi nhận việc các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn B phải hoàn lại số tiền 83.000 đồng mà các bị cáo Tr, B cùng gia đình đã bỏ ra để trả tiền cho anh Nguyễn Văn Đ.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Duy Kh, Nguyễn Văn B phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Duy Th) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2020); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Văn Đ) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQĐT, CQTHAHS, Nhà Tạm giữ (Công an huyện Quỳnh Phụ);
- UBND xã Q, huyện Q;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phụng